

Số: 36/2022/QĐST – HNGĐ

Phú Thọ, ngày 29 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Thu Huyền;

Thư ký phiên họp: Bà Hoàng Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên họp:
Ông Nguyễn Quỳnh Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 78/2022/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 49/2022/QĐ-MPH ngày 19 tháng 7 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh KUBOTA MITSUAKI, sinh năm 1983; Địa chỉ: 17-4 Nakamachi Ieshita Chirya Shi Aichi Japan (Nhật Bản).

- Chị Lê Thị Bích N, sinh năm 1982; ĐKKHKT: 14.03A Cao ốc B, 184 L, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh; Hiện đang làm việc tại: Công ty TNHH đầu tư xây dựng quốc tế P; địa chỉ: Khu 2, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

(Các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và các bản tự khai anh KUBOTA MITSUAKI và chị Lê Thị Bích N trình bày: Anh KUBOTA MITSUAKI và chị Lê Thị Bích N đăng ký kết hôn ngày 03/02/2006 tại UBND thành phố Hồ Chí Minh. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống xa nhau thời gian dài nên không có điều kiện đề quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ năm 2017 anh KUBOTA MITSUAKI đã trở về Nhật Bản sinh sống và làm việc, năm 2021 anh có trở về Việt Nam, khoảng 3 tháng từ tháng 02 năm 2021 đến tháng 5 năm 2021 thì quay trở lại Nhật Bản và hiện nay chưa quay trở về Việt Nam. Vợ chồng đã chủ động nói chuyện để hàn gắn nhưng không có kết quả. Hiện nay anh KUBOTA

MITSUAKI và chị Lê Thị Bích N đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh KUBOTA MITSUAKI và chị Lê Thị Bích N đều thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là KUBOTA SATSUKI, sinh ngày 10/3/2010 và KUBOTA KEN TÔ, sinh ngày 07/9/2016. Khi ly hôn anh KUBOTA MITSUAKI và chị Lê Thị Bích N thống nhất thỏa thuận chị Lê Thị Bích N sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Vấn đề cấp dưỡng anh KUBOTA MITSUAKI và chị Lê Thị Bích N thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh KUBOTA MITSUAKI và chị Lê Thị Bích N xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Lê Thị Bích N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Anh KUBOTA MITSUAKI và chị Lê Thị Bích N đều thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ là nơi giải quyết ly hôn và yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, giải quyết vắng mặt.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa anh KUBOTA MITSUAKI và chị Lê Thị Bích N. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung là KUBOTA SATSUKI, sinh ngày 10/3/2010 (Công dân Nhật Bản) và KUBOTA KEN TÔ, sinh ngày 07/9/2016 (Công dân Việt Nam) cho chị Lê Thị Bích N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng anh KUBOTA MITSUAKI và chị Lê Thị Bích N thống nhất tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Lê Thị Bích N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, căn cứ đơn và lời khai của các đương sự và ý kiến đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nhận định:

Quan hệ hôn nhân giữa anh KUBOTA MITSUAKI là công dân Nhật Bản và chị Lê Thị Bích N là công dân Việt Nam, do đó là hôn nhân hợp pháp, tuân theo pháp luật Việt Nam, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh KUBOTA MITSUAKI và chị Lê Thị Bích N đều thuận tình ly hôn. Do vậy việc anh KUBOTA MITSUAKI và chị Lê Thị Bích N thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, được chấp nhận.

Giấy chứng nhận kết hôn và hộ chiếu công dân của anh KUBOTA MITSUAKI xác định anh là công dân Nhật Bản, hiện đang cư trú tại Nhật Bản; chị Lê Thị Bích N hiện đang làm việc tại: Công ty TNHH đầu tư xây dựng quốc tế P; địa chỉ: Khu 2, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Anh KUBOTA MITSUAKI và chị Lê Thị Bích N đều thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ là nơi giải quyết ly hôn. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều

35, khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 469, Điều 470 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” và giải quyết, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh KUBOTA MITSUAKI có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; đơn xin giải quyết vắng mặt; bản tự khai. Theo yêu cầu của chị Lê Thị Bích N, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ giám định chữ viết, chữ ký trong đơn mà anh KUBOTA MITSUAKI gửi về. Căn cứ kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ (BL 42) đã kết luận:

Các chữ “KUBOTA MITSUAKI ” dưới mục “Chồng, Người làm đơn, Người khai” trên “Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự; Đơn xin giải quyết vắng mặt; bản tự khai” (Mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6) so với các chữ “KUBOTA MITSUAKI” dưới mục “Chồng” trên “Giấy chứng nhận kết hôn” (Mẫu so sánh ký hiệu M) là do cùng một người viết ra.

Từ đó đủ cơ sở khẳng định việc anh KUBOTA MITSUAKI và chị Lê Thị Bích N thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Về con chung: Anh KUBOTA MITSUAKI và chị Lê Thị Bích N đều thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là KUBOTA SATSUKI, sinh ngày 10/3/2010 (Quốc tịch Nhật Bản) và KUBOTA KEN TÔ, sinh ngày 07/9/2016 (Quốc tịch Việt Nam). Hiện nay hai con chung đang ở cùng chị N, cháu KUBOTA SATSUKI có nguyện vọng được ở Việt Nam với mẹ. Khi ly hôn anh KUBOTA MITSUAKI và chị Lê Thị Bích N thống nhất thỏa thuận chị N sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung đến khi các cháu thành niên. Vấn đề cấp dưỡng anh KUBOTA MITSUAKI và chị Lê Thị Bích N thống nhất tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung, tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng của anh KUBOTA MITSUAKI và chị Lê Thị Bích N phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận. Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh KUBOTA MITSUAKI và chị Lê Thị Bích N xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Việc tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự của chị Lê Thị Bích N là phù hợp với quy định của pháp luật được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, Điều 361, Điều 362, Điều 365, Điều 366, Điều 367, 369, Điều 370, Điều 371, Điều 397 và Điều 469 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh KUBOTA MITSUAKI và chị Lê Thị Bích N.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của KUBOTA MITSUAKI và chị Lê Thị Bích N: Giao cháu KUBOTA SATSUKI, sinh ngày 10/3/2010 (Quốc tịch Nhật Bản) và KUBOTA KEN TÔ, sinh ngày 07/9/2016 (Quốc tịch Việt Nam) cho chị Lê Thị Bích N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Vấn đề cấp dưỡng anh KUBOTA MITSUAKI và chị Lê Thị Bích N thống nhất tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết.

Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh KUBOTA MITSUAKI và chị Lê Thị Bích N xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Công nhận chị Lê Thị Bích N tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Xác nhận chị N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số AA/2020/0000207 ngày 08/6/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Thị Thu Huyền